

CHẾ ĐỘ TÀI PHÁN VIÊN TRONG HỆ THỐNG TÒA ÁN NHẬT BẢN

Phan Tuấn Ly^{1*}, Lý Linh Nghi¹, Trương Lê Thanh Thảo¹

¹Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Phan Tuấn Ly, ptly@hcmulaw.edu.vn

THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 03/07/2025

Ngày nhận bài sửa: 16/09/2025

Ngày duyệt đăng: 07/10/2025

TỪ KHOÁ

Chế độ tài phán viên;

Độc lập tư pháp;

Nhân dân tham gia xét xử;

Tòa án Nhật Bản.

TÓM TẮT

Bài viết này nghiên cứu việc tổ chức, vận hành của chế độ tài phán viên (TPV) trong bối cảnh cải cách hệ thống tư pháp ở Nhật Bản từ góc nhìn khu vực học. Bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu tổng hợp, phân tích nội dung và suy luận logic, bài viết miêu tả thực trạng tổ chức của mô hình TPV của Nhật Bản thông qua các vấn đề: quy định pháp lý, hoạt động trong phiên tòa hình sự, sự độc lập trong xét xử. Chế độ TPV thể hiện có ưu điểm: nâng cao niềm tin của người dân đối với hệ thống tư pháp, các vụ án nghiêm trọng bắt buộc có tài phán viên, phán quyết của TPV đòi hỏi sự đồng thuận của thẩm phán. Đồng thời, chế độ TPV vẫn có những tồn tại nhất định. Trên các cơ sở này, bài viết đưa ra một số lưu ý từ kinh nghiệm của Nhật Bản về cơ chế người dân tham gia vào hoạt động xét xử trong hệ thống cơ quan tư pháp. Từ đó, bài viết đề xuất một số kinh nghiệm cho Việt Nam nhằm hoàn thiện việc xây dựng mô hình nhân dân tham gia vào hệ thống tư pháp.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chế độ tài phán viên (viết tắt là TPV) tại Nhật Bản là một dạng thức của cơ chế nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử. Trong bối cảnh dân chủ hóa cũng như yêu cầu của hoạt động cải cách tư pháp hiện nay, việc xây dựng một chế độ pháp lý hiệu quả nhằm tạo điều kiện cho người dân tham gia vào hoạt động xét xử là một việc làm cần thiết. Các quốc gia dân chủ đều có các quy định trong pháp luật tổ tụng nhằm ghi nhận nội dung này. Đơn cử ở Việt Nam, chế độ hội thẩm nhân dân (HTND) tham gia vào xét xử tại các tòa án cũng là một dạng thức của cơ chế nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử. Cải thiện hoạt động của cơ chế này ở các quốc gia là

nhu cầu cấp thiết nhằm xây dựng một hệ thống tư pháp dân chủ, công bằng.

Nghiên cứu về TPV được tiến hành bởi nhiều học giả ở Nhật Bản và trên thế giới. Các công bố nổi bật và liên quan trực tiếp đến TPV có thể kể đến như Tsuchiya, Y. (2005) khái quát về chế độ này trong tiến trình cải cách tư pháp ở Nhật Bản; Yanase, N. (2009) nghiên cứu về lịch sử pháp lý của chế độ này dựa trên lý thuyết về dân chủ; Takeshima, C. (2017) và Ii, T. (2019) công bố hai công trình về mục tiêu, đặc điểm cũng như so sánh mô hình TPV với một số mô hình nhân dân tham gia vào xét xử khác trên thế giới. Ở Việt Nam, một số học giả cũng bàn đến cơ chế nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử

trong cơ quan tư pháp như: Trần, T. T. H. (2018) nghiên cứu về tính độc lập của chế độ nhân dân tham gia xét xử; Võ, M. K., & Nguyễn, P. A. (2018) nghiên cứu về thẩm phán không chuyên trong phiên tòa hình sự của Hoa Kỳ và Nhật Bản nhằm đưa ra kinh nghiệm cho Việt Nam. Nhìn chung, các công bố ở Việt Nam vẫn chưa bàn luận đến chế độ TPV ở Nhật Bản. Do đó, bài viết này được kỳ vọng sẽ góp phần vào giới thiệu và bàn luận một số khía cạnh liên quan đến chế độ TPV.

Theo đó, bài viết tập trung vào giải quyết các câu hỏi nghiên cứu sau:

(i) Thực trạng tổ chức mô hình TPV ở Nhật Bản như thế nào?

(ii) Các ưu điểm và hạn chế của chế độ TPV trong hoạt động tư pháp là gì?

(iii) Bài học kinh nghiệm nào được rút ra từ mô hình TPV của Nhật Bản?

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Với mục tiêu tìm hiểu về chế độ TPV của Nhật Bản để có thể phân tích các giá trị kinh nghiệm cho các quốc gia khác, bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu là tổng hợp, phân tích nội dung và suy luận logic. Cụ thể, phương pháp tổng hợp được sử dụng để khái quát cơ sở lý thuyết về hệ thống tòa án của Nhật Bản, các mô hình nhân dân tham gia xét xử trên thế giới và thực trạng triển khai mô hình tài phán viên ở Nhật Bản. Đồng thời kết hợp phương pháp phân tích và suy luận logic để đưa ra các đánh giá về phương thức này ở Nhật Bản cũng như một số lưu ý trong việc xây dựng chế độ nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở lý thuyết

3.1.1. Tòa án trong mối quan hệ tam quyền phân lập

Theo quy định tại Hiến pháp hiện hành, Nhật Bản áp dụng chế độ tam quyền phân lập ghi nhận vai trò “kiểm chế và đối trọng” giữa ba nhánh

quyền lập pháp – hành pháp – tư pháp. Trong đó, Tòa án là cơ quan nắm giữ quyền tư pháp thực hiện việc cân bằng cũng như chế ước quyền lực với Chính phủ và Quốc hội Nhật Bản. Tòa án có quyền thẩm tra vi hiến đối với các văn bản pháp luật do Quốc hội ban hành (Điều 81) ghi nhận sự kiểm chế quyền lực của Tòa án đối với Quốc hội. Ngược lại, Quốc hội cũng thực hiện sự kiểm chế thông qua cơ chế “Tòa án luận tội” (弾劾裁判 Dangai saiban, Điều 78). Tương tự, Tòa án còn duy trì sự cân bằng với quyền hành pháp do Chính phủ nắm giữ. Nội các nắm quyền bổ nhiệm các thẩm phán (trừ chánh án) theo quy định của pháp luật (Điều 79). Ngược lại, Tòa án lại được ghi nhận quyền thẩm tra vi hiến (Điều 81) đối với các hành vi hành chính cũng như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan hành pháp ban hành. Vì vậy, Tòa án nắm giữ một vị trí quan trọng nhằm thực hiện việc kiểm chế đối trọng với Quốc hội và Chính phủ trong hệ thống chính trị của Nhật Bản.

3.1.2. Các mô hình nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử tại Tòa án

Trong xu hướng phát triển của các nền dân chủ hiện đại, việc xây dựng và đảm bảo sự phát triển của cơ chế nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử ngày càng phổ biến. Tiêu biểu là mô hình tài phán viên, bồi thẩm và tham thẩm. Các mô hình này nhằm hiện thực hóa việc nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử tại tòa án, từ đó đảm bảo dân chủ trong hoạt động của cơ quan tư pháp. Đồng thời, việc làm này cũng đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trong nhánh quyền lực tư pháp.

(i) Mô hình tài phán viên

Mô hình tài phán viên (裁判員制度 Saibanin Seido) là mô hình xét xử trong đó các công dân bình thường không phải là chuyên gia pháp lý tham gia vào phiên tòa hình sự. Trong một số nghiên cứu gọi mô hình này là thẩm phán không chuyên (Võ, M. K., & Nguyễn, P. A., 2018). Đặc trưng của mô hình này thể hiện ở các phương diện (Kemmoichi, M., 2014): *Một*, phạm vi tham gia xét xử chỉ giới hạn trong các vụ án hình sự có tính chất nghiêm trọng; *Hai*, thẩm

quyền của TPV là tham gia tìm kiếm, xác định sự thật vụ án, quyết định mức hình phạt; *Ba*, TPV tham gia xét xử cùng một Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) với thẩm phán, không thành lập hội đồng riêng biệt; *Bốn*, TPV là những người được lựa chọn ngẫu nhiên theo danh sách người có quyền bầu cử cho thành viên Hạ nghị viện và không thuộc các trường hợp bị cấm và bắt buộc từ chối; *Năm*, TPV được bổ nhiệm tham gia xét xử theo từng vụ việc mà không theo nhiệm kỳ dài hạn.

(ii) *Mô hình tham thẩm*

Mô hình tham thẩm (参審制度 Sanshin Seido) là phương thức xét xử bao gồm thẩm phán và tham thẩm viên tạo thành một hội đồng duy nhất để xác định các tình tiết của tội phạm, bản án và đưa ra quyết định về các vấn đề pháp lý trong các vụ án hình sự. Mô hình này phổ biến ở một số nước Châu Âu, Trung Quốc và cả Việt Nam. Đặc trưng của mô hình này thể hiện ở các phương diện sau (司法制度改革審議会., 2012): *Một*, phạm vi tham gia xét xử trải rộng trong các lĩnh vực, bao gồm cả dân sự và hình sự; *Hai*, hầu hết các quốc gia đều quy định cho tham thẩm viên có quyền lực tương đương với thẩm phán trong HĐXX; *Ba*, tương tự với mô hình TPV, tham thẩm viên thực hiện nhiệm vụ cùng thẩm phán với số lượng chiếm đa số hơn trong cùng một hội đồng xét xử (khoản 1 Điều 254 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015); *Bốn*, quy trình bổ nhiệm bắt đầu bằng việc một tổ chức chính quyền địa phương hoặc đảng phái chính trị đề cử một danh sách ứng cử viên phù hợp để Tòa án hoặc một hội đồng xem xét bổ nhiệm (衆議院憲法調査会事務局., 2004, tr.27); *Năm*, tham thẩm viên làm việc theo nhiệm kỳ và tham gia vào các vụ án trong thời gian đó.

(iii) *Mô hình bồi thẩm*

Mô hình bồi thẩm (陪審制度 Baishin Seido) là phương thức xét xử bao gồm một bồi thẩm đoàn độc lập với thẩm phán, có quyền xem xét sự thật vụ án để kết luận có tội hoặc vô tội trong các vụ án hình sự, cũng như trách nhiệm pháp lý trong các vụ án dân sự. Mô hình này phổ biến ở

nhiều quốc gia theo hệ thống thông luật, trong đó có Hoa Kỳ. Đặc trưng của mô hình này thể hiện qua các khía cạnh sau (Võ, M. K., & Nguyễn, P. A., 2018) (VanLeeuwen, H., 2020): *Một*, phạm vi tham gia xét xử tương tự với mô hình tham thẩm, bao gồm cả hình sự lẫn dân sự; *Hai*, cơ cấu của bồi thẩm đoàn có điểm tương đối khác biệt so với hai mô hình trên, chẳng hạn như ở Hoa Kỳ, chế độ bồi thẩm đoàn có thể chia làm hai bộ phận chính: Đại bồi thẩm đoàn và Bồi thẩm đoàn tại phiên tòa; *Ba*, trong tố tụng hình sự, bồi thẩm đoàn có quyền xác định các tình tiết của tội phạm (có tội hay không), trong khi đó thẩm phán phụ trách các vấn đề pháp lý (giải thích pháp luật) và quyết định mức hình phạt; *Bốn*, bồi thẩm đoàn là một hội đồng tách biệt với thẩm phán khi thực hiện nhiệm vụ; *Năm*, bồi thẩm đoàn được hình thành và xét xử theo từng vụ việc, không theo nhiệm kỳ.

Bảng 1. Bảng so sánh các đặc điểm điển hình của ba dạng thức nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử tại Tòa án (Nguồn tác giả tự tổng hợp)

Tiêu chí	Mô hình bồi thẩm	Mô hình tham thẩm	Mô hình tài phán viên
Trường hợp tham gia	Có thể tham gia vụ việc dân sự và vụ án hình sự	Có thể tham gia trong vụ việc dân sự và vụ án hình sự	Chỉ tham gia trong các vụ án hình sự.
Quyền tìm kiếm xác định sự thật vụ việc	Có quyền xem xét	Có quyền xem xét	Có quyền xem xét
Quyền quyết định mức phạt	Không có quyền quyết định	Có quyền quyết định	Có quyền quyết định

Tiêu chí	Mô hình bồi thẩm	Mô hình tham thẩm	Mô hình tài phán viên
Hội Đồng đánh giá	Thành lập hội đồng riêng biệt	Không thành lập hội đồng riêng biệt Tham gia chung hội đồng với thẩm phán	Không thành lập hội đồng riêng biệt Tham gia chung hội đồng với thẩm phán
Nhiệm kỳ	Theo từng vụ việc	Theo nhiệm kỳ	Theo từng vụ việc
Phương thức bổ nhiệm	Lựa chọn ngẫu nhiên	Đề xuất, khuyến nghị của tổ chức đoàn thể	Lựa chọn ngẫu nhiên

3.2. Thực trạng tổ chức mô hình tài phán viên ở Nhật Bản

3.2.1. Quy định pháp lý về tài phán viên

Ở Nhật Bản, chế độ TPV ra đời vào năm 2004 và được áp dụng chính thức từ năm 2009. Luật TPV được ban hành vào năm 2004 đã thiết lập một khung pháp lý quan trọng cho chế độ TPV ở Nhật Bản. Luật này đã quy định những quy tắc đặc biệt cho các vụ án hình sự có sự tham gia của TPV, bao gồm việc sửa đổi Luật Tòa án và Luật Tổ tụng hình sự Nhật Bản nhằm hoàn thiện và thống nhất các cơ sở pháp lý để tổ chức và triển khai chế độ TPV. Đây được xem là căn cứ pháp lý cao nhất ghi nhận cơ chế nhân dân tham gia vào quá trình tổ tụng hình sự cùng với thẩm phán. Điều này được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật cũng như xây dựng niềm tin của nhân dân đối với hệ thống tư pháp. Cho đến nay, Luật TPV đã qua các lần sửa đổi vào năm 2005, 2006, 2007, 2009, 2014, 2015, 2016 và năm 2020. Như vậy, Luật TPV đã trải qua nhiều lần sửa đổi để hoàn thiện hơn trong quá

trình triển khai trên thực tế nhằm đạt được sự đồng thuận của người dân.

Trước khi Luật Tài phán viên được ban hành, các cuộc thăm dò dư luận luôn cho thấy rằng công dân Nhật Bản không muốn tham gia vào các phiên tòa (Philip & Suzuki, 2016). Sau khi triển khai cho thấy số lượng người quan tâm ngày càng tăng cao (khoảng một nửa số người được khảo sát cho thấy họ quan tâm), và các cuộc thăm dò gần đây cho thấy khoảng một phần ba nhân dân cũng có sự quan tâm tương tự (Philip & Suzuki, 2016, tr.7).

3.2.2. Vai trò của tài phán viên trong tố tụng hình sự

TPV không tham gia vào tất cả các vụ án hình sự, mà chỉ xuất hiện trong một số vụ án nghiêm trọng được dư luận quan tâm, cụ thể: những vụ án liên quan đến tội phạm bị áp dụng hình phạt nghiêm khắc như tử hình, tù chung thân hoặc án phạt giam từ một năm trở lên; và những vụ án có tội phạm gây ra hậu quả nghiêm trọng dẫn đến cái chết của nạn nhân do hành vi cố ý của thủ phạm (Khoản 2 Điều 26 Luật Tòa án năm 1947).

Theo quy định của pháp luật hiện hành, bị cáo không được quyền từ chối sự tham gia của TPV trong các phiên xét xử hình sự. Tuy nhiên, để giảm bớt áp lực cho các TPV, pháp luật Nhật Bản đã đưa ra một số trường hợp ngoại lệ quy định tại Điều 3 và Điều 3.2 của Luật TPV. Cụ thể, Tòa án có thể quyết định một số vụ án hình sự mà không cần sự tham gia của TPV, nếu có các căn cứ hợp lý cho rằng lời nói hoặc hành động của bị cáo hoặc người liên quan có thể gây nguy hiểm cho TPV và gia đình họ. Thêm vào đó, việc sửa đổi Luật TPV đã bổ sung thêm hai trường hợp khác: *Một*, khi thời gian xét xử dự kiến kéo dài do tính phức tạp của vụ án hoặc số lượng phiên tòa cần có sự tham gia của TPV quá lớn; *Hai*, khi hội đồng TPV không đủ thành viên do thiếu người bổ sung và có lý do để tin rằng việc tuyển chọn hoặc duy trì TPV cũng sẽ gặp trở ngại.

3.2.3. Sự độc lập của tài phán viên

Điều 8 Luật TPV năm 2004 quy định: “*Tài phán viên thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập*”. Thứ nhất, TPV độc lập trong thực hiện thẩm quyền. TPV phải đảm bảo rằng trong khi thực hiện nhiệm vụ, họ không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài như áp lực chính trị, tư duy nhóm hoặc các yếu tố chủ quan khác. Thứ hai, TPV phải độc lập với thẩm phán trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình xét xử, TPV có thể thảo luận với các thẩm phán, nhưng khi đưa ra phán quyết, họ phải xem xét các vấn đề của vụ việc một cách khách quan, không bị ràng buộc bởi các quan điểm khác. Ngoài ra, sự độc lập của TPV còn được thể hiện qua việc biểu quyết và quyết định theo đa số. Sự độc lập của TPV phải đảm bảo tuân theo pháp luật. Khi nghiên cứu chứng cứ, đưa ra ý kiến thảo luận hay khi nghị án, TPV phải căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết, không được thể hiện ý chí chủ quan trong việc áp dụng pháp luật. Độc lập tức là tuân theo pháp luật và tuân theo pháp luật để được độc lập (Trần, T. T. H., 2018, tr.50).

3.3. Một số đánh giá mô hình tài phán viên của Nhật Bản

3.3.1. Ưu điểm

Chế độ TPV tại Nhật Bản là một hình thức kết hợp giữa thẩm phán và người dân, góp phần nâng cao sự minh bạch của hệ thống cơ quan tư pháp. Những ưu điểm nổi bật của chế độ này có thể xem xét qua ba khía cạnh.

Thứ nhất, sự tham gia của TPV đã góp phần làm minh bạch hoạt động xét xử của cơ quan tư pháp. Đồng thời, việc có mặt của cả thẩm phán và TPV trong hội đồng xét xử mang lại sự cân bằng giữa kiến thức chuyên môn của thẩm phán và nhận thức xã hội của TPV. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng xét xử mà còn bảo đảm phán quyết phản ánh đúng giá trị đạo đức và chuẩn mực xã hội. Trong một số trường hợp, phán quyết có sự tham gia của TPV nghiêm khắc hơn, đáp ứng được sự kỳ vọng của dư luận xã hội về việc định khung hình phạt thích đáng đối với các tội

phạm nghiêm trọng (上富敏伸., 2004, tr.9).

Thứ hai, sự tham gia của TPV giúp các vụ án có khả năng tuyên án tử hình xem xét kỹ lưỡng hơn các khía cạnh pháp lý và xã hội. Sự xuất hiện của TPV là điều kiện bắt buộc trong các vụ án này. Điều này sẽ góp phần làm tăng tính khách quan và chính xác trong việc ra quyết định. Đồng thời, nó tạo ra một rào cản cao hơn để đảm bảo án tử hình chỉ được áp dụng cho những trường hợp thực sự nghiêm trọng. Một kết quả nghiên cứu cho thấy gần 7.500 bị cáo đã bị xét xử theo chế độ tài phán viên và 7.300 người bị kết tội, trong đó có 22 người nhận án tử hình (Phillip & Suzuki, 2016, tr.5). Tỷ lệ kết án 97% này thực sự thấp hơn tỷ lệ kết án 99% điển hình trước khi áp dụng chế độ tài phán viên. Việc này cũng phản ánh sự tôn trọng giá trị con người, thể hiện rằng án tử hình chỉ được xem xét như một biện pháp cuối cùng.

Thứ ba, mặc dù TPV có quyền đưa ra phán quyết của mình, nhưng điều quan trọng là ý kiến của họ không thể đơn độc cấu thành phán quyết. Theo đó, phán quyết của TPV cần có sự đồng thuận từ ít nhất một thẩm phán – người có chuyên môn sâu, đảm bảo rằng quyết định cuối cùng không chỉ dựa vào ý kiến cá nhân hay xu hướng chung của dư luận xã hội, mà còn phải tuân thủ đúng các quy định pháp luật.

3.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, thực tiễn triển khai chế độ TPV ghi nhận một số hạn chế nhất định.

Thứ nhất là về kiến thức của các TPV. Do thiếu chuyên môn nên quyết định của TPV thường mang tính cảm tính hơn so với thẩm phán. Đồng thời, việc họ không có chuyên môn dẫn đến việc họ không đóng góp được gì trong quá trình xét xử. Điều này xuất phát từ việc các TPV đều được tuyển chọn từ người dân bình thường, không có kiến thức pháp luật ở cấp độ chuyên môn sâu. Do đó, những ý kiến của họ đa số đều chịu sự ảnh hưởng từ những lời giải thích của thẩm phán, mà không phải là ý kiến riêng của cá nhân. Tháng 3 năm 2010, một TPV tại Tòa án quận Nara tuyên bố: “*Vì thiếu kiến thức nên*

chúng tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc đưa ra kết luận dựa trên những lời giải thích của thẩm phán, vì vậy chúng tôi cảm thấy sự có mặt của chúng tôi chẳng có ý nghĩa gì” (Ida, K., 2013, tr.234).

Thứ hai là sức khỏe tinh thần của TPV dù được quan tâm nhưng chưa đầy đủ. Mặc dù trước khi tiến vào phiên tòa đã có các phiên điều trần chọn lựa những bằng chứng quan trọng và có liên quan mật thiết nhất đến vụ án để giao cho các TPV. Tuy nhiên, điều đó không thể ngăn chặn được khả năng các TPV phải tiếp xúc với các bằng chứng có tính chất ghê rợn. Việc tiếp xúc với các bằng chứng này có thể gây ra tình trạng khủng hoảng tâm lý ở một mức độ nhất định, tùy vào cá nhân của từng TPV, có thể gây hại đến sức khỏe tinh thần của những chủ thể này. Trong giai đoạn này, họ vẫn phải làm việc để đưa ra việc quyết định mức độ hình phạt liên quan đến tính mạng con người. Việc quyết định liên quan đến vấn đề sinh tử của một người khác không chỉ là gánh nặng đối với người bình thường. Thậm chí những chuyên gia trong lĩnh vực tư pháp, liên quan trực tiếp đến các vụ án có phán quyết tử hình, thì việc định tội cũng không phải là quyết định dễ dàng. Điều này gây ra áp lực và ảnh hưởng lớn đến tâm lý của TPV vốn có xuất thân là người dân bình thường. Dù các áp lực này đã được Nhật Bản quan tâm, nhưng vẫn còn nhiều khía cạnh cần được xem xét thêm.

Thứ ba, quá trình xét xử một vụ án hình sự yêu cầu sự tham gia xuyên suốt của TPV tạo áp lực tới thời gian, công việc và cả sức khỏe của họ. TPV phải dành thời gian tham gia xét xử mà không có quyền từ chối với lý do ảnh hưởng công việc (Điều 16 Luật TPV). Trong khi đó, pháp luật Nhật Bản không có quy định đảm bảo về lương trong thời gian làm TPV gây ảnh hưởng đến công việc chính của họ khi phải dành thời gian cho các phiên tòa xét xử.

3.3.3. Một số lưu ý trong xây dựng cơ chế nhân dân tham gia vào hội đồng xét xử

Thứ nhất là hợp pháp hóa và hoàn thiện pháp lý về cơ chế tham gia của nhân dân vào hoạt động xét xử hình sự, đặc biệt ở các quốc gia chưa xây dựng chế định này. Điều này đặc biệt cần thiết trong vụ án có khả năng bị tuyên án tử hình có thể xâm phạm đến quyền cao nhất của con người. Tomita, S. cho rằng vụ án có sự tham gia của TPV tuân thủ các nguyên tắc của pháp luật hình sự hơn, đặc biệt là nguyên tắc “*suy đoán vô tội*” so với các vụ án chỉ được xét xử bởi thẩm phán. Bên cạnh đó, ông cũng cho rằng một số vụ án sẽ không có khả năng tuyên án vô tội nếu phiên tòa xét xử chỉ có sự tham gia của thẩm phán (飯考行., 2019, tr.59-60).

Thứ hai, cân đối vai trò của thẩm phán và TPV trong hội đồng xét xử theo hướng ủng hộ số đông TPV nhưng không bị phủ quyết bởi thẩm phán. Trong đó, tính quyết định của Thẩm phán trong ban hành phán quyết hình sự nhằm hạn chế việc thiếu hiểu biết pháp luật dẫn đến áp dụng không phù hợp với thực tế pháp lý. Nếu xét thấy căn cứ đưa ra là thuyết phục, thẩm phán chấp thuận và quyết định của bản án được ghi nhận. Ngược lại, nếu các thẩm phán tham gia nghị án đều cho rằng những quyết định của TPV là không đủ sức thuyết phục và hợp lý thì phán quyết sẽ được đưa ra dựa trên ý kiến Thẩm phán.

Thứ ba, quan tâm đến sức khỏe tâm lý của TPV nhằm đảm bảo nhân sự cho hội đồng xét xử. Tsuchiya (2005) cũng khuyến nghị cần có các nhà tâm lý học lâm sàng thường trực tại Tòa án để sẵn sàng hỗ trợ TPV trong các tình huống khẩn cấp, như hệ thống tư vấn sức khỏe tâm thần cho các TPV với chi phí được chi trả hoàn toàn bởi ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, tác giả cũng đề xuất các cơ quan điều tra cần phải sàng lọc và phân loại kỹ lưỡng các chứng cứ có thể gây tổn hại đến tâm lý trước khi trình bày cho TPV (Tsuchiya, 2005, tr.3).

Thứ tư, sự tham gia vào các vụ án hình sự phức tạp kéo dài có thể gây khó khăn cho TPV trong việc duy trì công việc cá nhân. Để giải

quyết vấn đề này, các quốc gia nên xem xét ban hành chính sách hỗ trợ nghỉ phép có lương cho những TPV đang làm việc tại các doanh nghiệp khi họ cần tham gia xét xử. Nhờ đó, TPV có thể tập trung hoàn toàn vào việc xử lý vụ án mà không bị tác động bởi các trách nhiệm công việc bên ngoài.

Việt Nam là quốc gia áp dụng mô hình tham thẩm trong xét xử tại Toà án, được gọi là Hội thẩm nhân dân (HTND). Sự khác nhau giữa việc lựa chọn mô hình nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử tại Tòa án dẫn đến những đặc trưng khác nhau giữa mô hình TPV của Nhật Bản và mô hình tham thẩm – HTND của Việt Nam. Sự tương đồng giữa mô hình của Việt Nam và Nhật Bản nằm ở quyền của người dân khi tham gia xét xử, bao gồm quyền tham gia vụ án để xác định sự thật, quyết định mức phạt trong tố tụng hình sự (khoản 1 Điều 46 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021) và quyền tham gia vào HĐXX cùng với thẩm phán mà không thành lập một hội đồng riêng biệt. Ngoài những điểm trên, mô hình TPV của Nhật Bản và HTND của Việt Nam có nhiều điểm riêng biệt tương ứng với sự khác nhau trong đặc trưng của hai mô hình. Cụ thể, theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023 và 2024 (viết tắt là BLTTDS), HTND không chỉ có quyền tham gia các vụ án hình sự, mà còn có quyền tham gia vào cả các vụ việc dân sự. Đây là sự khác biệt căn bản trong phạm vi được tham gia giữa TPV của Nhật Bản và HTND của Việt Nam, phản ánh tư duy khác nhau về vai trò của người dân trong việc tham gia xét xử. Các quốc gia theo mô hình tham thẩm như Việt Nam nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong hoạt động tư pháp hơn, đồng thời đặt ra các yêu cầu về kiến thức pháp luật cho các hội thẩm. Trong khi đó, Nhật Bản tập trung đưa người dân vào các hoạt động xét xử hình sự, nhằm tập trung vào trung cầu ý kiến và kiến thức xã hội của người dân đối với các hành vi có tính chất nguy hiểm cho xã hội. Không chỉ thế, một số điểm khác nhau còn thể hiện ở nhiệm kỳ và phương thức bổ nhiệm. Nếu HTND ở Việt Nam được bổ nhiệm bởi Hội đồng nhân dân trong một

nhiệm kỳ nhất định (Điều 127, Điều 128 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025), còn TPV ở Nhật Bản được bổ nhiệm theo từng vụ việc và được lựa chọn ngẫu nhiên trong số công dân đủ điều kiện.

Dựa trên ưu điểm, hạn chế, sự tương đồng và khác biệt giữa các mô hình, Việt Nam có thể tham khảo một số kinh nghiệm của Nhật Bản để hoàn thiện mô hình nhân dân tham gia vào hoạt động tư pháp. Một là, cân đối vai trò của Thẩm phán và HTND trong xét xử. Hai là, quan tâm đến sức khỏe tinh thần cũng như việc xây dựng thêm các chế độ hỗ trợ HTND trong thời gian đảm nhiệm chức vụ để có thể tập trung vào việc giải quyết các vụ việc một cách công bằng, độc lập và hiệu quả.

4. KẾT LUẬN

Chế độ TPV tại Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo công bằng, minh bạch trong quá trình xét xử. Họ cũng là đại diện tiếng nói của nhân dân trong hệ thống cơ quan tư pháp nhằm đưa ra quyết định của dư luận xã hội các vụ án hình sự phức tạp. TPV hoạt động một cách độc lập, không chịu sự can thiệp từ các cơ quan khác. Sự độc lập này hình thành một nền tảng pháp lý vững chắc cho các quyết định xét xử chính xác và công bằng. Chế độ này có những ưu điểm nổi bật như tăng cường tính minh bạch trong quá trình xét xử, đảm bảo sự công bằng và hợp lý, từ đó góp phần nâng cao sự tin tưởng của người dân vào hệ thống tư pháp. Tuy nhiên, chế độ này cũng có một số nhược điểm, chẳng hạn như sự khó khăn trong việc duy trì sự độc lập của TPV trước các áp lực xã hội hay chính trị. Chế độ TPV của Nhật Bản cho thấy tầm quan trọng của việc duy trì tính độc lập của hệ thống tư pháp nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch để phù hợp hơn với yêu cầu của xã hội dân chủ và pháp luật hiện đại. Từ đó, Việt Nam có thể học hỏi một số kinh nghiệm của từ chế độ TPV của Nhật Bản để hoàn thiện mô hình nhân dân tham gia vào hệ thống tư pháp ở nước nhà. Bài viết này vẫn chưa đánh giá được tính bền vững, khả năng thích ứng lâu dài của chế độ TPV trong xã hội Nhật Bản. Đây được xem là hướng nghiên cứu khả thi trong thời gian sắp tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

Trần, T. T. H. (2018). Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật – Thực tiễn thực hiện và kiến nghị. *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, (316), 48-53.

Võ, M. K., & Nguyễn, P. A. (2018). Thẩm phán không chuyên trong phiên tòa hình sự: Mô hình của Hoa Kỳ, Nhật Bản và kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, 6 (362), 30-38.

Tiếng Anh

Ida, K. (2013). Press Coverage of Deliberations in Japan's Saiban-in System: Implications from Britain's Jury System. *Journal of Mass Communication Studies*, 82, 231-249. DOI: https://doi.org/10.24460/mscom.82.0_231

Kemmochi, M. (2014, November 13). Five Years of the Saiban-In System in Japan, *Pace Law Library Blog*. Truy xuất từ: <https://lawlibrary.blogs.pace.edu/2014/11/13/five-years-of-the-saiban-in-system-in-japan/>

VanLeeuwen, H. (2020). *Japanese law and order: Systemic issues, controversy, and calls of reform* [Honors thesis, Texas State University]. Truy xuất từ: <https://digital.library.txstate.edu/bitstream/10877/13124/1/VANLEEUEWEN-HONORSTHESIS-2020.pdf>

Philip, L. Reichel & Yumi E. Suzuki (2016), *Japan's Lay Judge System: A Summary of Its Development, Evaluation, and Current Status*, *International Criminal Justice Review*, 25(3). Truy xuất từ: <https://citeseerx.ist.psu.edu/document?repid=rep1&type=pdf&doi=b74584bd07f8cddd7768fb057dc65d75247b5d15>

Tiếng Nhật

衆議院憲法調査会事務局. (2004). 衆憲資第 39号: 司法制度特に、国民の司法参加、利用しやすい司法制度等の司法制度改革に関する基礎的資料. 衆議院トップページ. Truy xuất từ: [https://www.shugiin.go.jp/internet/itdb_kenpou.nsf/html/kenpou/chosa/shukenshi039.pdf/\\$File/shukenshi039.pdf](https://www.shugiin.go.jp/internet/itdb_kenpou.nsf/html/kenpou/chosa/shukenshi039.pdf/$File/shukenshi039.pdf) (House of Representatives Commission on the Constitution Secretariat. (2004). *House Constitution Material No. 39: Judicial System, particularly basic materials concerning judicial system reform such as citizen participation in the judiciary and an accessible judicial system*. House of Representatives Homepage).

飯考行. (2019). 国際シンポジウム開催報告, *Lay Participation Worldwide: 世界の市民の司法参加における日本の裁判員制度* [博士論文, 専修大学], 2019年3月2日. (Ii, T. (2019). *Report on the International Symposium, Lay Participation Worldwide: Japan's Lay Judge System in Citizen Participation in Justice Worldwide* [Doctoral dissertation, Senshu University], 2019, March 2).

司法制度改革審議会. (2012). 司法制度改革審議会第30回議事概要/配付資料一覧別紙: 国民の司法参加について. 司法制度改革審議会の審議経過. Truy xuất từ: <https://lawcenter.ls.kagoshima-u.ac.jp/>. (Judicial System Reform Council. (2012). *Judicial System Reform Council 30th Meeting Minutes/List of Distributed Materials Appendix: Regarding Citizen Participation in Justice*. Deliberation Progress of the Judicial System Reform Council).

- 上富敏伸. (2004). 法令解説 裁判員制度の創設--刑事訴訟手続への新たな参加制度の導入--裁判員の参加する刑事裁判に関する法律. *時の法令*, (1720), 6-28. (Kamitomi, T. (2004). Legal commentary: Establishment of the Lay Judge System - Introduction of a new participation system in criminal proceedings - Act on Criminal Trials with the Participation of Lay Judges. *Toki no Horei*, (1720), 6-28).
- 竹嶋千穂. (2017). 裁判員制度についての再考-良心の自由からの提言. *社学研論集*, 29, 56-71. (Takeshima, C. (2017). Reconsideration of the Saiban-in system: A proposal from the perspective of freedom of conscience. *Shagakuken Ronshu*, 29, 56-71).
- 土屋美明. (2005). 市民の司法は実現したか: 司法改革の全体像. 花伝社, 日本. (Tsuchiya, Y. (2005). *Has civilian justice been realized: The whole picture of judicial reform*, Pub. Kadensha, Japan).
- 柳瀬昇. (2009). 裁判員制度の立法学討議民主主義論に基づく国民の司法参加の意義の再構成. 日本評論, 日本. (Yanase, N. (2009). *Reconstruction of the significance of citizen participation in justice based on legislative studies and deliberative democracy theory concerning the Saiban-in system*. Pub. Nihon Hyouronsha, Japan).

ORGANIZATION OF THE SAIBAN-IN SYSTEM IN JAPAN

Phan Tuan Ly^{1*}, Truong Le Thanh Thao¹, Ly Linh Nghi¹

¹Ho Chi Minh City University of Law

* Corresponding author: *Phan Tuan Ly*, ptly@hcmulaw.edu.vn

GENERAL INFORMATION

Received date: 03/07/2025

Revised date: 16/09/2025

Accepted date: 07/10/2025

KEYWORD

Citizen participation in trials;

Japanese court;

Judicial independence;

Lay judge system.

ABSTRACT

This paper examines the organization and operation of the lay judge (saiban-in) system within the context of Japan's judicial reform, adopting a regional studies perspective. Utilizing research methods such as synthesis, content analysis, and logical reasoning, the paper describes the current organizational state of Japan's lay judge model through several key aspects: legal regulations, activities in criminal trials, and independence in adjudication. The lay judge system demonstrates several advantages, including: enhancing public trust in the judicial system, mandatory involvement of lay judges in serious cases, and the requirement for lay judge consensus in judicial decisions. However, the lay judge system also presents certain limitations. Based on these findings, the paper offers some insights derived from Japan's experience regarding mechanisms for public participation in judicial activities within the judicial system. Subsequently, this paper derives key insights applicable to Vietnam's context, with the objective of enhancing the existing framework for public participation within the judicial system.